

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-03-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Quốc Toàn

2. Bà Võ Cẩm Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:** Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 231/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị N, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 07, ấp Minh T1, xã Minh Th, huyện U Minh Th1, tỉnh Kiên G.

2. **Bị đơn:** Anh Đoàn Minh T, sinh năm 1977 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 07, ấp Minh T1, xã Minh Th, huyện U Minh Th1, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Đoàn Minh T (*Sau đây gọi tắt là chị N, anh T*) tự quen biết và sau một thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 17/11/2014. Vợ chồng chị N, anh T chung sống hạnh phúc được hơn 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, mỗi người một ý, không tin tưởng nhau. Anh T không quan tâm vợ và con mà chỉ biết quan tâm giúp đỡ người xung quanh, cụ thể người khác nhờ làm việc gì thì anh làm nấy. Trong khi vợ con bị bệnh, anh T cũng không quan tâm, mỗi người tự quản lý tài sản và tiêu xài riêng. Nhiều lần vợ chồng chị N, anh T hàn gắn nhưng anh không sửa đổi nên ly thân từ tháng 12/2023 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N, anh T có 01 người con chung Đoàn Gia Bảo, sinh ngày 14/01/2015 (Hiện con đang sống với chị N). Vợ chồng ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị N, anh T không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/01/2024 bị đơn anh Đoàn Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thừa nhận với lời trình bày của chị N là đúng. Tuy nhiên, chị N yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý, anh thừa nhận thời gian chung sống vợ chồng anh T, chị N có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhưng do chị N có tính ghen tuông vô cớ, cứ nghĩ anh T làm ra tiền là lo cho người phụ nữ khác. Ngoài ra, anh làm nghề mua bán tôm giống, nên anh phải ngoại giao bắt mỗi khách hàng. Do đó, anh T không có thời gian chăm sóc cho vợ và con, hiện con còn nhỏ, anh T không muốn ly hôn. Vợ chồng ly thân từ ngày 01/12/2023 đến nay.

Về con chung: Anh T, chị N có 01 người con chung Đoàn Gia Bảo, sinh ngày 14/01/2015, hiện con đang sống với chị N. Vợ chồng ly hôn con chung theo cha hay mẹ là do con tự quyết định. Nếu theo chị N thì anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Chị N, anh T không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa:

Chị N kiên quyết xin được ly hôn với anh T, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm cho vợ và con, kể cả con đang bị bệnh, hiện anh T vẫn không thay đổi; chị N yêu cầu được nuôi con chung Đoàn Gia Bảo không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn anh Đoàn Minh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2]. **Về hôn nhân:** Trong quá trình giải quyết vụ án chị N, anh T xác định, anh chị tự quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ngày 17/11/2014 nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Lý do chị N xin ly hôn là do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Xuất phát từ việc anh T không quan tâm chăm sóc vợ và con mà chỉ biết chú trọng vào việc buôn bán tôm giống, đi ngoại giao với nhiều người khác, bỏ mặc chị N và con, kể cả con bị bệnh. Vợ chồng chị N, anh T thiếu tôn trọng, không tin tưởng nhau, không quan tâm, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, từ đó đôi bên thường xuyên xảy ra cự cãi, cũng như tự quản lý tiền và tiêu xài riêng.

Tại phiên hòa giải ngày 11/01/2024 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của bị đơn anh T không đồng ý ly hôn với chị N, do vợ chồng còn có 01 người con nhỏ. Anh T thừa nhận thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi đúng như chị N trình bày, nhưng cũng do một phần chị N có tính ghen tuông vô cớ, anh T làm nghề bán tôm giống nên phải đi ngoại giao nhiều người, không có thời gian chăm sóc cho vợ và con.

Tại phiên tòa HĐXX đã phân tích, động viên, hàn gắn nhưng chị N kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh T, HĐXX nhận thấy, tình trạng hôn nhân của chị N, anh T đôi bên đều xác nhận là đúng. Lẽ ra từ khi chị N, anh T ly thân từ ngày 01/12/2023 đến nay đã hơn 03 tháng anh, chị nên tìm phương cách hàn gắn đoàn tụ gia đình, ngược lại cả hai bỏ mặc không quan tâm nhau, mỗi người sống mỗi nơi khác nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng, cho thấy tình

cảm vợ chồng của anh, chị không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất cho chị N được ly hôn với anh T.

[3]. Về con chung: Vợ chồng ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con chung Đoàn Gia Bảo không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, còn bị đơn anh T nếu con chung Đoàn Gia Bảo theo chị N thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 11/01/2024 của cháu Đoàn Gia Bảo có nguyện vọng được sống với chị N khi cha mẹ ly hôn, HĐXX nhận thấy: Hiện con chung Gia Bảo chị N đang chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng tốt, được chị cho đi học như bao đứa trẻ cùng trang lứa, cháu đã thích nghi với bạn bè và môi trường sống bên gia đình chị N. Do đó, HĐXX thống nhất giao cháu Gia Bảo cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con chung Gia Bảo mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ ngày 28/03/2024 đến khi cháu Đoàn Gia Bảo đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 28 dương lịch.

[4]. Về chia tài sản chung: Chị N, anh T xác định không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[5]. Về án phí:

Chị Bùi Thị N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003053 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Đoàn Minh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Đoàn Minh T.

2. *Về con chung:* Giao con chung Đoàn Gia Bảo, sinh ngày 14/01/2015 (Hiện con đang sống với chị N) cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con chung Đoàn Gia Bảo mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng từ ngày 28/03/2024 đến khi cháu Đoàn Gia Bảo đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 28 dương lịch.

Anh Đoàn Minh T có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. *Về chia tài sản chung:* Anh T, chị N không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. *Về án phí:*

Chị Bùi Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003053 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Đoàn Minh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng